

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 305 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Sản xuất linh phụ kiện điện tử**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường 23/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Sản xuất linh phụ kiện điện tử tại Báo cáo kết quả thẩm định số 497/STNMT-MT ngày 9/02/2022; xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Sản xuất linh phụ kiện điện tử đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 0225/Cty ngày 25/02/2022 của Công ty TNHH Điện tử Sumida Quảng Ngãi và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 920/TTr-STNMT ngày 08/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Sản xuất linh phụ kiện điện tử (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Điện tử Sumida Quảng Ngãi (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại: Lô CN-03, đường số 2, Khu công nghiệp Tịnh Phong, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND huyện Sơn Tịnh theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh; Giám đốc Công ty TNHH Điện tử Sumida Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak260.

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Sản xuất linh phụ kiện điện tử”
(Kèm theo Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 10/3/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

a) Chủ dự án: Công ty TNHH Điện tử Sumida Quảng Ngãi.

b) Địa điểm, công suất của Dự án:

b.1) Địa điểm: Lô CN-03, đường số 2, Khu công nghiệp Tịnh Phong, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

b.2) Diện tích, công suất:

- Diện tích sử dụng đất: Thuê nhà xưởng, kho bãi và các công trình phụ trợ của Công ty Cổ phần Kizuna Quảng Ngãi (diện tích nhà xưởng: khoảng 21.440,9m²).

- Sản phẩm, công suất: 300 triệu sản phẩm/năm

+ Sản xuất biến áp điện, biến áp nguồn: 30.000.000 sản phẩm/năm;

+ Sản phẩm cuộn cảm, cuộn kháng: 270.000.000 sản phẩm/năm.

c) Công nghệ sản xuất:

c.1) Sơ đồ quy trình sản xuất điện hình:

Chuẩn bị → quấn dây → nhúng thiếc/hàn thiếc → lắp ghép → nung khô đóng dấu → kiểm tra → đóng gói sản phẩm.

- Công đoạn chuẩn bị: công cụ chuẩn bị bao gồm: Jig nhúng thiếc, máy cắt jig quấn dây máy quấn dây, jig lắp ghép, đầu kẹp,...

- Công đoạn lắp ghép chân pin: sử dụng máy cắt, keo để lắp ghép chân pin vào vòng/ lõi.

- Công đoạn nung: thực hiện nung theo điều kiện nhiệt độ bản vẽ.

- Công đoạn quấn dây: Dựa theo yêu cầu của bản vẽ, cài đặt số vòng quấn dây cho máy quấn dây, tiến hành quấn dây;

- Công đoạn nhúng thiếc/ hàn thiếc:

+ Đối với sản phẩm nhúng thiếc: Trộn lẫn Flux (dung môi) và cồn theo tỷ lệ nhất định, nhúng chân pin sản phẩm vào hỗn hợp flux.

+ Cồn, sau đó thực hiện nhúng thiếc theo điều kiện nhúng thiếc quy định trong bản vẽ.

+ Đối với sản phẩm hàn thiếc: thực hiện hàn thiếc bằng tia laser làm tan chảy chân pin để kết nối với dây dẫn. Trong trường hợp dây dẫn cần bóc vỏ trước khi nhúng/hàn thiếc: thực hiện bóc vỏ dây dẫn bằng máy/bằng tay hoặc bằng tia laser trước khi nhúng thiếc.

- Công đoạn lắp ghép: thực hiện lắp ghép các nguyên liệu khác vào bán thành phẩm đã nhúng thiếc.

- Công đoạn nung (nhiệt điện): thực hiện nung theo điều kiện nhiệt độ bản vẽ.

- Công đoạn đóng dấu:

+ Đối với sản phẩm đóng dấu bằng mực in: Hòa tan mực với dung dịch hòa tan, sau đó cho mực vào vị trí chứa mực của máy đóng dấu; Dùng vải nhúng cồn lau sạch mặt đóng dấu của sản phẩm; Thực hiện đóng dấu bằng máy hoặc bằng tay.

+ Đối với sản phẩm đóng dấu bằng tia laser: đặt sản phẩm vào máy khắc dấu để khắc mã sản phẩm bằng tia laser.

- Công đoạn kiểm tra: thực hiện kiểm tra ngoại quan, kích thước và đặc tính điện theo yêu cầu của bản vẽ.

- Đóng gói: Sau khi kiểm tra sản phẩm đạt yêu cầu đặt vào hộp giấy, khay nhựa/ xốp và cho vào thùng có dán tem.

c.2) Quy trình sản xuất đối với sản phẩm có bán thành phẩm được tạo hình tại nhà máy (công đoạn gia công):

Chuẩn bị → nung → làm mát → trộn → nghiền → làm mát → phân loại → nung → làm mát → đúc → mài.

- Công đoạn chuẩn bị: nguyên liệu bột sắt theo từng loại sản phẩm

- Công đoạn nung: thực hiện nung theo điều kiện của bản vẽ, hướng dẫn thao tác.

- Công đoạn làm mát: làm mát tự nhiên bột đã nung.

- Công đoạn trộn: trộn bột đã nung với hoá chất và dung môi theo từng loại sản phẩm.

- Công đoạn nghiền: nghiền bột bằng máy/ bằng tay sau đó cho qua rây để xác định kích cỡ hạt.

- Công đoạn làm mát: làm mát tự nhiên bột đã nung.

- Công đoạn phân loại: phân loại kích cỡ hạt.

- Công đoạn nung: thực hiện nung theo điều kiện của bản vẽ.

- Công đoạn làm mát: làm mát tự nhiên bột đã nung.

- Công đoạn đúc: kết hợp với bán thành phẩm đã được quấn dây, sử dụng các loại kích thước đạt theo yêu cầu đúc sản phẩm bằng máy.

- Công đoạn mài: mài cái vị trí bavia sau khi đúc và tiến hành các công đoạn tiếp theo theo dây chuyền sản xuất.

c.3) Quy trình sản xuất đối với sản phẩm có công đoạn ngâm Varnish:

Pha hỗn hợp Varnish → ngâm sản phẩm vào hỗn hợp → nung khô → làm mát tự nhiên.

- Thực hiện pha hỗn hợp Varnish, dung môi theo tỉ lệ yêu cầu.

- Ngâm Varnish: ngâm sản phẩm trong Varnish theo thời gian quy định.

- Nung: thực hiện nung sản phẩm sau ngâm Varnish theo yêu cầu của bản vẽ.

- Làm mát: làm mát sản phẩm tự nhiên và tiến hành các công đoạn tiếp theo theo dây chuyền sản xuất.

d) Các hạng mục công trình chính của Dự án:

d.1) Các hạng mục công trình đang sử dụng

STT	Các hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích sàn
1	Nhà xưởng (2 tầng)	m ²	7,104
2	Nhà ăn	m ²	1,304
3	Nhà để xe máy	m ²	1,932
4	Nhà để xe ô tô	m ²	99
5	Kho chất thải nguy hại	m ²	48
6	Kho hóa chất	m ²	20
7	Kho chứa dây đồng phế liệu	m ²	48
8	Kho rác thải tái chế	m ²	80
9	Nhà bảo vệ (công chính)	m ²	24
10	Nhà bảo vệ (công phụ)	m ²	20
	Tổng	m²	10.670

d.2) Các hạng mục công trình đưa vào sử dụng trong thời gian tới

STT	Các hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích sàn
1	Nhà xưởng (2 tầng)	m ²	7,104.0
2	Cầu nối phía trước tầng 1	m ²	167.5
3	Cầu nối phía trước tầng 2	m ²	36.0
4	Cầu nối phía sau tầng 2	m ²	22.5
5	Khu vực tủ có khóa mới	m ²	381.6
6	Nhà để xe 2 bánh mới (2 tầng)	m ²	2,951.5
7	Nhà kho mới	m ²	98.8
	Tổng	m²	10.761,9

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	Các hoạt động	Nguồn gây ô nhiễm
1	Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	
1.1	Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị	Bụi và khí thải, tiếng ồn
1.2	Quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải, chất thải rắn
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
2.1	Sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt
2.2	Hoạt động sản xuất	Chất thải sản xuất, chất thải nguy hại, hơi dung môi

b) Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	Các hoạt động	Quy mô, tính chất
1	Giai đoạn xây dựng dự án	
1.1	Nước thải sinh hoạt	20 công nhân với lưu lượng khoảng 1,5 m ³ /ngày.
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
2.1	Nước thải sinh hoạt	Phát sinh khoảng 200m ³ /ngày
2.2	Nước thải vệ sinh thiết bị	1m ³ /ngày
2.3	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

TT	Các hoạt động	Quy mô, tính chất
1	Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc; lắp đặt, hàn cố định máy móc	Bụi, khí thải và tiếng ồn
2	Giai đoạn hoạt động	
2.1	Hoạt động giao thông phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, sản phẩm	Tiếng ồn, khói thải từ các phương tiện giao thông
2.2	Hơi dung môi từ các công đoạn sản xuất	Hơi dung môi

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

TT	Các hoạt động	Quy mô, tính chất
1	Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Công nhân ăn suất ăn công nghiệp tại nhà máy, nên được thu gom chung tại nhà ăn tập thể
1.2	Chất thải rắn từ bao bì máy móc, thiết bị...	Lượng phát sinh khoảng 20kg/ngày, tuy nhiên thời gian lắp đặt ngắn.
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	2000 cán bộ, công nhân viên phát sinh khoảng 920kg/ngày
2.2	Chất thải rắn sản xuất	Lượng chất thải sản xuất phát sinh khoảng - Nhóm tái chế: 16.800kg/năm - Nhóm xử lý: 2.500kg/năm

e) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

TT	Các hoạt động	Quy mô, tính chất
1	Giai đoạn dự án đi vào hoạt động	
1.1	Chất thải nguy hại	Lượng chất thải nguy hại phát sinh

	ước tính khoảng 5.912kg/năm
--	-----------------------------

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý	Nguồn tiếp nhận
1	Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị		
1.1	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của nhà máy	Bể tự hoại và trạm xử lý nước thải
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành		
2.1	Nước thải sinh hoạt	- Thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy. - Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Tây Nam với công suất 350m ³ /ngày đêm. - Xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào trạm xử lý nước thải KCN Tịnh Phong	Trạm xử lý nước thải KCN Tịnh Phong
2.2	Nước thải vệ sinh thiết bị	Được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy	
2.3	Nước mưa chảy tràn	Đã có hệ thống thu gom nước mưa xung quanh nhà xưởng, khuôn viên nhà máy	Hệ thống thoát nước chung của KCN Tịnh Phong

b) Về thu gom và xử lý bụi, khí thải:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý
1	Giai đoạn lắp đặt, máy móc thiết bị	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc; Bụi khói hàn cố định máy móc, thiết bị	Nhà xưởng thông thoáng, phương tiện bảo dưỡng, hạn chế nổ máy khi bốc dỡ. Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
2.1	Phương tiện giao thông	Các tuyến đường đã được đổ bê tông, thường xuyên quét dọn, vệ sinh sân bãi, khuôn viên nhà máy đã được trồng một số cây xanh
2.2	Hơi dung môi	- Trang bị đồ bảo hộ cho công nhân viên làm việc. Nhà xưởng được xây dựng cao ráo, thông thoáng. - Có trang bị hệ thống hút khí, hơi dung

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý
		môi

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý
1	Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	
1.1	Chất thải rắn	Thu gom và lưu chứa vào kho chất thải công nghiệp thông thường, được đơn vị thu gom đến đưa đi xử lý
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Tiếp tục thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và lưu chứa tại kho chứa tạm thời của nhà máy, đơn vị thu gom sẽ đến thu gom xử lý.
2.2	Chất thải rắn sản xuất	Thu gom và lưu chứa tại kho và bán phế liệu và đơn vị có chức năng thu gom xử lý

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý
1	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
1.1	Chất thải nguy hại	Thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý.

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý
1	Giai đoạn triển khai xây dựng dự án	
1.1	Tiếng ồn, độ rung	Sử dụng máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp; mặt khác nhà xưởng mới không có công nhân, nên tác động này là không đáng kể
2	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
2.1	Tiếng ồn, độ rung	Trồng cây xanh nhằm hạn chế ô nhiễm không khí, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị
2.2	Nhiệt, hơi dung môi	Nhà xưởng cao, thông thoáng, trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân viên, trồng cây xanh, quạt gió công nghiệp, có hệ thống chụp hút khí, hơi dung môi.

f) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/Biện pháp quản lý
1	Giai đoạn dự án đi vào vận hành	
1.1	Sự cố cháy nổ	Xây dựng nội quy, quy định an toàn phòng cháy chữa cháy. Bố trí các họng nước cứu hỏa; lập kế hoạch và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng kiểm tra các hạng mục thiết bị hằng năm.
1.2	Sự cố của hệ thống xử lý nước thải	Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định; bố trí nhân lực có chuyên môn thực hiện việc vận hành; Cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố;...
1.3	Sự cố tai nạn lao động	Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc trong nhà máy. Máy móc thiết bị phải định kỳ kiểm định, bảo dưỡng, huấn luyện về quy tắc sản xuất và nguyên tắc an toàn lao động. Ban hành nội quy an toàn lao động, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động. Các khu vực nguy hiểm đều có biển báo hiệu;
1.4	Sự cố tai nạn giao thông	Thường xuyên nhắc nhở các lái xe thực hiện nghiêm công tác an toàn giao thông, các lái xe phải có giấy phép lái xe và xe vận chuyển vẫn còn thời hạn kiểm định của các cơ quan chức năng;
1.5	Sự cố hóa chất	Thực hiện lưu trữ hóa chất theo đúng điều kiện khuyến cáo của nhà sản xuất: nhiệt độ, độ ẩm... Tuân thủ đúng quy trình san chiết, sử dụng do công ty đề ra, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động khi thực hiện nhiệm vụ này.

4. Danh mục công trình xử lý chính của Dự án

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy với công suất là 350m³/ngày đêm và công nghệ xử lý như sau: Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Trạm xử lý nước thải KCN Tịnh Phong.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
Khí thải	6 vị trí tại ống thoát khí lò nung và nhúng thiếc (3 ống thoát lò nung, 3 ống thoát nhúng thiếc), 1 ống phòng Varnish, 1 ống phòng gia công.	Bụi, SO ₂ , NO _x , CO, Styren, Benzen, Toluen.	03 tháng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v=1, K_p=1 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp - QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
Môi trường làm việc	01 vị trí quan trắc không khí làm việc.	Nhiệt độ, SO ₂ , NO ₂ , CO, TSP, tiếng ồn.	03 tháng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - 21TC-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động được ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc.
Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - 02 vị trí: + Tại đầu ra HTXLNT: tọa độ X= 1681454, Y= 585441 - Tại đầu vào HTXLNT: tọa độ X = 1681477; Y = 585295 	pH, BOD ₅ , TSS, COD, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	3 tháng/lần ;	Giới hạn tiếp nhận nước thải trạm xử lý nước thải KCN Tịnh Phong ban hành kèm công văn số 2565/BQL-KHTH ngày 2/12/2021.

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại	Tại vị trí kho lưu trữ chất thải rắn nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt.	Giám sát khối lượng, thành phần, phân loại, biện pháp/quy trình thu gom, lưu trữ, xử lý.	Khi có phát thải hoặc 6 tháng/lần	
--	---	--	-----------------------------------	--

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

a) Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a.1) Trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung, môi trường không khí: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_v=1$, $K_p=1$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, Tiêu chuẩn 21TC-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động được ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc, Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Tịnh Phong.

a.2) Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

a.3) Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình hoạt động. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình và môi trường xung quanh, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục các sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

a.4) Lập kế hoạch phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án và trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

a.5) Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy, nổ trong giai đoạn hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật.

a.6) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các

thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

a.7) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhật, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, giám sát.

b) Chủ dự án chịu các trách nhiệm:

b.1) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để Nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật.

b.2) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

b.3) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

b.4) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Dự án theo quy định tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

b.5) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b.6) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

b.7) Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thuộc trường hợp phải được chấp thuận về môi trường, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ

được thực hiện những thay đổi sau khi có chấp thuận của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

b.8) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý./.